



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

Auditing & Informatic Services Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**AISC**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Tel: 02183. 858 280

Fax: 02183. 892 028

---

**Mục lục**

**Trang**

Báo cáo của Tổng Giám đốc

1 - 3

Báo cáo kiểm toán

4

Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

5 - 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Thuyết minh Báo cáo tài chính

9 - 19





## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình trình bày Báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010, như sau:

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (sau đây gọi là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cung ứng vật tư khoáng sản Hòa Bình, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25.03.000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 14/12/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **12.700.000.000 đồng** (Mười hai tỷ, bảy trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn nhà nước nắm giữ	0 %
Các cổ đông khác	100%

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là **36.665.000.000 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn), Công ty chưa làm thủ tục thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### **2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong năm tài chính 2010 hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột, hạt thạch anh, hạt Granit, đá Marbl, bột Talc, đá xẻ các loại.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, thu gom than;
- Khai thác quặng kim loại màu (trừ quặng Uranium và quặng Thorium);
- Khai thác đá;
- Dịch vụ khoan nổ mìn;
- Sản xuất phân lân hữu cơ sinh học;
- Sản xuất gạch, vôi, đá sê và hoàn thiện đá sê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi);
- Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước và hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô, xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải đường thủy nội địa.

112004  
CHI NH  
ÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
H VU TI  
HỒ CHÍ  
TAY - T



## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

#### **4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2010 gồm có:

##### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Đoàn Quốc Tuấn	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Điều	Ủy viên
Ông Đỗ Phan Thắng	Ủy viên

##### **Ban Giám đốc:**

Ông Đoàn Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Phan Thắng	Phó Tổng Giám đốc

#### **5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

#### **6. Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

#### **7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

### **7. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

*Hòa Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011*

**Tổng Giám đốc**



**Đoàn Quốc Tuấn**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email : aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 100659/BCKT- AISHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2011

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập ngày 10/02/2011 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (sau đây được viết tắt là "Công ty") trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán  
và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh**

**Ký thay Giám đốc**

**Phó Giám đốc**

**Vũ Khắc Chuyên**

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Thanh Huế**

Chứng chỉ KTV số: 0756/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.757.215.843</b>	<b>13.001.179.152</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>53.462.993.204</b>	<b>122.557.371</b>
1. Tiền	111	V.1	53.462.993.204	122.557.371
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.082.255.368</b>	<b>10.671.900.323</b>
1. Phải thu khách hàng	131		7.501.950.875	9.463.603.285
2. Trả trước cho người bán	132		1.184.331.014	1.062.848.091
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	18.036.371	145.448.947
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(622.062.892)	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.582.610.340</b>	<b>1.410.476.709</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	6.582.610.340	1.410.476.709
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>629.356.931</b>	<b>796.244.749</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		201.195.344	253.796.162
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		428.161.587	542.448.587
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.891.179.179</b>	<b>6.034.714.954</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.128.929.179</b>	<b>5.734.714.954</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10.842.060.012	5.484.431.383
<i>Nguyên giá</i>	222		12.825.646.158	6.983.706.430
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.983.586.146)	(1.499.275.047)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	286.869.167	250.283.571
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>1.762.250.000</b>	<b>300.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.762.250.000	300.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>81.648.395.022</b>	<b>19.035.894.106</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2010

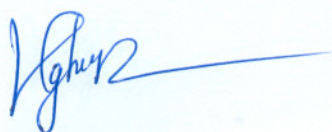
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.754.991.530</b>	<b>4.535.672.900</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.112.012.522</b>	<b>4.535.672.900</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	199.602.752	620.000.000
2. Phải trả người bán	312		7.774.263.064	1.382.831.626
3. Người mua trả tiền trước	313		30.534.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3.034.958.597	836.321.868
5. Phải trả người lao động	315		244.864.649	164.734.827
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.522.986.754	1.510.561.901
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		304.802.706	21.222.678
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>642.979.008</b>	<b>0</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	642.979.008	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>67.893.403.492</b>	<b>14.500.221.206</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>67.893.403.492</b>	<b>14.500.221.206</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.665.000.000	12.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		23.955.000.000	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.150.231.189	413.685.685
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		441.618.901	73.346.149
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.681.553.402	1.313.189.372
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>81.648.395.022</b>	<b>19.035.894.106</b>

Hòa Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Đoàn Quốc Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

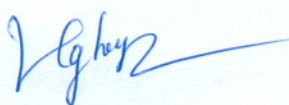
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2010 Đồng	NĂM 2009 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	26.134.248.273	11.201.327.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.27</b>	<b>26.134.248.273</b>	<b>11.201.327.633</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	12.949.404.573	8.161.916.210
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.184.843.700</b>	<b>3.039.411.423</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	51.918.481	2.870.000
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	47.808.799	20.562.500
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.808.799	20.562.500
8. Chi phí bán hàng	24		926.216.356	666.892.180
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.118.197.340	834.444.662
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>10.144.539.686</b>	<b>1.520.382.081</b>
11. Thu nhập khác	31		326.745.000	1.241.025.500
12. Chi phí khác	32		528.990.980	767.600.381
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(202.245.980)</b>	<b>473.425.119</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.942.293.706	1.993.807.200
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	2.576.838.668	368.818.945
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.365.455.038	1.624.988.255
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.35</b>	<b>4.636,02</b>	<b>1.350,22</b>

Hoà Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết

Đoàn Quốc Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Năm 2010

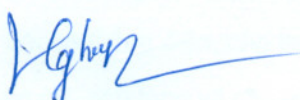
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	23.244.520.582	8.698.747.158
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(10.484.711.870)	(7.974.114.584)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.029.025.613)	(1.308.490.122)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(52.768.799)	(20.562.500)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(331.975.357)	(47.555.447)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	559.109.309	140.798.002
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.208.317.135)	(468.795.625)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.696.831.117</b>	<b>(979.973.118)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.098.645.525)	(390.000.000)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.462.250.000)	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.918.481	2.870.000
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.508.977.044)</b>	<b>(387.130.000)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	47.930.000.000	700.000.000
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.010.000.000	1.650.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.787.418.240)	(1.030.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>48.152.581.760</b>	<b>1.320.000.000</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>53.340.435.833</b>	<b>(47.103.118)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>122.557.371</b>	<b>169.660.489</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>53.462.993.204</b>	<b>122.557.371</b>

Hòa Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Tuyết

Đoàn Quốc Tuấn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình (tiền thân là Công ty Cung ứng vật tư khoáng sản Hòa Bình) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25.03.000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 14/12/2009.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại xã Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **12.700.000.000 đồng** (Mười hai tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Vốn nhà nước nắm giữ	0%
Các cổ đông khác	100%

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2010 là **36.665.000.000 đồng** (Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn), Công ty chưa làm thủ tục thay đổi vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Trong năm tài chính 2010 hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột, hạt thạch anh, hạt Granit, đá Marbl, bột Talc, đá xẻ các loại.

**3- Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác, thu gom than;
- Khai thác quặng kim loại màu (trừ quặng Uranium và quặng Thorium);
- Khai thác đá;
- Dịch vụ khoan nổ mìn;
- Sản xuất phân lân hữu cơ sinh học;
- Sản xuất gạch, vôi, đá sê và hoàn thiện đá sê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi);
- Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước và hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô, xe có động cơ, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Vận tải đường thủy nội địa.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (Đồng).

**III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3- Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc ghi nhận tiền: Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các Ngân hàng.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền được phản ánh trong Báo cáo tài chính là các khoản đầu tư ngắn hạn Công ty đang nắm giữ có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Phản ánh và ghi chép theo nguyên tắc giá gốc;

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền;

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá Hàng tồn kho: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

**5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính; công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ: tuân thủ 04 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo hợp đồng và thời gian cung cấp dịch vụ thực tế.

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi tiền vay phát sinh trong kỳ. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	45.361.423.174	94.411.159
Tiền đồng Việt Nam gửi ngân hàng	8.101.570.030	28.146.212
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	47.984.774	28.146.212
+ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ	3.546.909	0
+ Ngân hàng HSBC	111.780	0
+ Ngân hàng Liên Việt	8.048.926.567	0
+ Ngân hàng Á Châu	1.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>53.462.993.204</b>	<b>122.557.371</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Phải thu người lao động	0	139.291.767
Phải thu khác	18.036.371	6.157.180
<b>Cộng</b>	<b>18.036.371</b>	<b>145.448.947</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	4.911.777.475	487.930.395
Công cụ, dụng cụ	171.216.182	34.262.450
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	94.159.249	94.159.249
Thành phẩm	678.555.314	783.222.495
Hàng hóa	726.902.120	10.902.120
<b>Cộng</b>	<b>6.582.610.340</b>	<b>1.410.476.709</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư 01/01/2010</b>	<b>4.144.454.491</b>	<b>1.418.921.476</b>	<b>1.420.330.463</b>	<b>6.983.706.430</b>
Tăng do mua sắm	0	4.087.260.000	1.754.679.728	5.841.939.728
Tăng khác	0	150.000.000	0	150.000.000
Giảm khác	0	0	(150.000.000)	(150.000.000)
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>4.144.454.491</b>	<b>5.356.181.476</b>	<b>3.325.010.191</b>	<b>12.825.646.158</b>
<b>HAO MÒN LUYỆN KẾ</b>				
<b>Số dư 01/01/2010</b>	<b>598.501.839</b>	<b>432.422.520</b>	<b>468.350.688</b>	<b>1.499.275.047</b>
Khấu hao trong kỳ	186.307.152	249.831.018	152.797.929	588.936.099
Tăng khác	0	45.000.000	0	45.000.000
Giảm khác	0	(79.625.000)	(70.000.000)	(149.625.000)
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>784.808.991</b>	<b>647.628.538</b>	<b>551.148.617</b>	<b>1.983.586.146</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Số dư 01/01/2010</b>	<b>3.545.952.652</b>	<b>986.498.956</b>	<b>951.979.775</b>	<b>5.484.431.383</b>
<b>Số dư 31/12/2010</b>	<b>3.359.645.500</b>	<b>4.708.552.938</b>	<b>2.773.861.574</b>	<b>10.842.060.012</b>

- o Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng;
- o Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 3.684.128.389 đồng;
- o Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý: 0 đồng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Xây dựng nhà xưởng	286.727.438	250.141.842
Sửa chữa lớn TSCĐ	141.729	141.729
<b>Cộng</b>	<b>286.869.167</b>	<b>250.283.571</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Công ty Cổ phần Đá Spilit	875.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn	887.250.000	0
<b>Cộng</b>	<b>1.762.250.000</b>	<b>300.000.000</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vay ngắn hạn cá nhân	0	620.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	199.602.752	0
<b>Cộng</b>	<b>199.602.752</b>	<b>620.000.000</b>

(\*) Chi tiết vay dài hạn đến hạn trả

Đơn vị tính: Đồng

TT	Ngân hàng	Ngày phát sinh	Ngày đáo hạn	Số tiền vay	Dư nợ vay đến 31/12/2010	Dư nợ vay đến hạn trả năm 2011
1	Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ	05/07/2010	02/07/2014	520.000.000	480.290.094	107.102.744
2	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	04/11/2010	04/11/2012	370.000.000	362.291.666	92.500.008
	<b>Tổng cộng</b>			<b>890.000.000</b>	<b>842.581.760</b>	<b>199.602.752</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Thuế giá trị gia tăng	136.008.839	380.747.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.844.517.251	446.527.825
Thuế tài nguyên	45.370.459	7.361.667
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.062.048	1.685.360
<b>Cộng</b>	<b>3.034.958.597</b>	<b>836.321.868</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Bảo hiểm xã hội	(29.687.202)	17.544.292
Bảo hiểm y tế	18.134.661	11.044.622
Bảo hiểm thất nghiệp	2.888.432	0
Cổ tức năm 2010 phải trả	1.524.000.000	0
Các khoản phải trả khác	7.650.863	1.481.972.987
<b>Cộng</b>	<b>1.522.986.754</b>	<b>1.510.561.901</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vay dài hạn (*)	642.979.008	0
<b>Cộng</b>	<b>642.979.008</b>	<b>0</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Chi tiết vay dài hạn

Đơn vị tính: Đồng

TT	Ngân hàng	Ngày phát sinh	Ngày đáo hạn	Số tiền vay	Dư nợ vay đến 31/12/2010	Dư nợ vay dài hạn đến 31/12/2010
1	Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ	05/07/2010	02/07/2014	520.000.000	480.290.094	373.187.350
2	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC	04/11/2010	04/11/2012	370.000.000	362.291.666	269.791.658
<b>Tổng cộng</b>				<b>890.000.000</b>	<b>842.581.760</b>	<b>642.979.008</b>

**22. Nguồn vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>108.928.124</b>	<b>0</b>	<b>139.650.976</b>	<b>12.248.579.100</b>
Tăng vốn trong kỳ	700.000.000	0	0	0	0	700.000.000
Lãi trong năm	0	0	0	0	1.624.988.255	1.624.988.255
Phân phối lợi nhuận	0	0	304.757.561	73.346.149	(451.449.859)	(73.346.149)
<b>Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay</b>	<b>12.700.000.000</b>	<b>0</b>	<b>413.685.685</b>	<b>73.346.149</b>	<b>1.313.189.372</b>	<b>14.500.221.206</b>
Tăng vốn trong kỳ (*)	23.965.000.000	23.965.000.000	0	0	0	47.930.000.000
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	7.365.455.038	7.365.455.038
Phân phối lợi nhuận (**)	0	0	736.545.504	368.272.752	(2.997.091.008)	(1.892.272.752)
Giảm khác	0	(10.000.000)	0	0	0	(10.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>36.665.000.000</b>	<b>23.955.000.000</b>	<b>1.150.231.189</b>	<b>441.618.901</b>	<b>5.681.553.402</b>	<b>67.893.403.492</b>

(\*) Ngày 19/07/2010, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã biểu quyết và ban hành Nghị quyết số 83/2010/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành 5.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty (mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu). Đến ngày 31/12/2010, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 2.396.500 cổ phiếu cho các nhà đầu tư bên ngoài với giá là 20.000 đồng/cổ phiếu.

(\*\*) Lợi nhuận năm 2010 được phân phối căn cứ vào:

- + Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 89/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2010 về việc thông qua kế hoạch trích lập các quỹ, sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, lợi nhuận được phân phối:

Quỹ dự phòng tài chính 368.272.752 đồng (5%)

Quỹ đầu tư phát triển 736.545.504 đồng (10%)

Quỹ khen thưởng phúc lợi 368.272.752 đồng (5%)

- + Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2011/NQ-HĐQT ngày 20/01/2011 thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ cổ tức là 12% vốn đầu tư của chủ sở hữu, tức 1.524.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	12.700.000.000	12.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.965.000.000	700.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	36.665.000.000	12.700.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia (*)	1.524.000.000	0

(\*) Cổ tức lợi nhuận đã chia năm 2010 sang năm 2011 Công ty chi trả cho các cổ đông.

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2010 Cổ phiếu	01/01/2010 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.270.000	1.270.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.666.500	1.270.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.666.500	1.270.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.666.500	1.270.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.666.500	1.270.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	1.150.231.189	413.685.685
Quỹ dự phòng tài chính	441.618.901	73.346.149
<b>Cộng</b>	<b>1.591.850.090</b>	<b>487.031.834</b>

(\*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.134.248.273</b>	<b>11.201.327.633</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu xây lắp	26.134.248.273	11.033.280.758
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	168.046.875
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>26.134.248.273</b>	<b>11.201.327.633</b>
<b>Trong đó:</b>		
Doanh thu xây lắp	26.134.248.273	11.033.280.758
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	0	168.046.875
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.949.404.573	7.970.681.370
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	0	191.234.840
<b>Cộng</b>	<b>12.949.404.573</b>	<b>8.161.916.210</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.918.481	2.870.000
<b>Cộng</b>	<b>51.918.481</b>	<b>2.870.000</b>
<b>30. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Lãi tiền vay	47.808.799	20.562.500
<b>Cộng</b>	<b>47.808.799</b>	<b>20.562.500</b>
<b>31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>Đồng</b>	<b>Đồng</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.942.293.706	1.993.807.200
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	365.060.966	113.729.631
+ <i>Khấu hao tài sản không có sản phẩm</i>	35.882.220	46.799.126
+ <i>Tổn thất mỏ than Tà Phù</i>	0	66.930.505
+ <i>Tiền truy thu và nộp phạt thuế</i>	329.178.746	0
Thu nhập tính thuế	10.307.354.672	2.107.536.831
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.576.838.668	526.884.208
<i>Ưu đãi thuế theo Thông tư 03/2009/TT-BTC</i>	0	158.065.262
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.576.838.668</b>	<b>368.818.945</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2010</b> <b>Đồng</b>	<b>Năm 2009</b> <b>Đồng</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.827.435.903	2.790.656.197
Chi phí nhân công	2.084.048.603	980.631.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	588.936.099	544.116.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.786.758	171.911.691
Chi phí khác bằng tiền	1.946.640.065	1.369.567.376
<b>Cộng</b>	<b>13.714.847.428</b>	<b>5.856.883.804</b>

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b> <b>Đồng</b>	<b>Năm 2009</b> <b>Đồng</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.365.455.038	1.624.988.255
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.365.455.038	1.624.988.255
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.588.745	1.203.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.636,02	1.350,22

**VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18/2011/NQ-HĐQT ngày 20/01/2011 thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 1 năm 2010 với tỷ lệ cổ tức là 12% vốn đầu tư của chủ sở hữu, tức 1.524.000.000 đồng.

**3- Thông tin về các bên liên quan**

Ông Đoàn Quốc Tuấn là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình đồng thời kiêm chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp trong năm 2010 (nắm giữ 47,37% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp có trụ sở tại số 87 phố Hoàng Ngân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ông Đoàn Quốc Tuấn còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình tại Công ty Cổ phần Đá Spilit có trụ sở tại xóm Tam Quy 3, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa và là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn có trụ sở tại tiểu khu 4, Thị trấn Lương Sơn, Tp. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Trong năm 2010, giao dịch chủ yếu giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình và các bên có liên quan là mua bán bột thạch anh, bột talc, đá xẻ, máy móc thiết bị. Giá trị giao dịch thể hiện cụ thể như sau:

**Phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: Đồng

Tên công ty	Số dư 01/01/2010	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư 31/12/2010
Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	5.146.053.574	16.586.520.000	18.548.715.564	3.183.858.010
Công ty Cổ phần Đá Spilit	1.062.531.250	2.788.082.000	3.850.613.250	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.208.584.824</b>	<b>19.374.602.000</b>	<b>22.399.328.814</b>	<b>3.183.858.010</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**Phải trả người bán**

Đơn vị tính: Đồng

Tên công ty	Số dư 01/01/2010	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư 31/12/2010
Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây lắp Công nghiệp	125.422.564	3.178.761.000	3.304.183.564	0
Công ty Cổ phần Đá Spilit	(5.300.000)	7.669.664.000	4.475.613.250	3.188.750.750
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Sầm Sơn	230.269.960	1.720.047.183	280.000.000	1.670.317.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.392.524</b>	<b>12.568.472.183</b>	<b>8.059.796.814</b>	<b>4.859.067.893</b>

**5- Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

**6- Tính hoạt động liên tục**

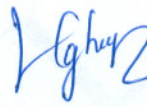
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hòa Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Người lập



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tuyết

Tổng Giám đốc



Đoàn Quốc Tuấn



Please contact us by the following addresses:

***In Ho Chi Minh City***

**\* Head office:**

*Address:* 142 Nguyen Thi Minh Khai street - Dist.3 - HCMC  
*Tel:* (84.8) 3930 5163 (10 lines) - *Fax:*(84.8) 3930 4281  
*Email:* aisc@aisc.com.vn - *Website:* www.aisc.com.vn

***In Ha Noi City***

**\* Branch:**

*Address:* C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building -  
Pham Hung St, Cau Giay Dist - Ha Noi  
*Tel:* (04) 3782 0045 /46 /47 - *Fax:* (04) 3782 0048  
*Email:* aishn@hn.vnn.vn

***In Da Nang City***

**\* Branch:**

*Address:* 36 Ha Huy Tap St.-Thanh Khe Dist.- Da Nang City  
*Tel:* (0511) 371 5619 - *Fax:* (0511) 371 5620  
*Email:* aisckt@dng.vnn.vn

***In Can Tho City***

**\* Representative Office:**

*Address:* 5D, 30/4 St. - Ninh Kieu Dist - Can Tho City.  
*Tel:* (0710) 381 3004 - *Fax:* (0710) 382 8765

***In Hai Phong City***

**\* Representative Office:**

*Address:* 18 Hoang Van Thu St. - Hong Bang Dist - Hai Phong  
*Tel:* (031) 3569 577 - *Fax:* (031) 3569 576



Please contact us by the following addresses:

***In Ho Chi Minh City***

**\* Head office:**

*Address:* 142 Nguyen Thi Minh Khai street - Dist.3 - HCMC  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 lines) - Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: aisc@aisc.com.vn - Website: www.aisc.com.vn

***In Ha Noi City***

**\* Branch:**

*Address:* C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building -  
Pham Hung St, Cau Giay Dist - Ha Noi  
Tel: (04) 3782 0045 /46 /47 - Fax: (04) 3782 0048  
Email: aishn@hn.vnn.vn

***In Da Nang City***

**\* Branch:**

*Address:* 36 Ha Huy Tap St.-Thanh Khe Dist.- Da Nang City  
Tel: (0511) 371 5619 - Fax: (0511) 371 5620  
Email: aisckt@dng.vnn.vn

***In Can Tho City***

**\* Representative Office:**

*Address:* 5Đ, 30/4 St. - Ninh Kieu Dist - Can Tho City.  
Tel: (0710) 381 3004 - Fax: (0710) 382 8765

***In Hai Phong City***

**\* Representative Office:**

*Address:* 18 Hoang Van Thu St. - Hong Bang Dist - Hai Phong  
Tel: (031) 3569 577 - Fax: (031) 3569 576